

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐỢT 1 NĂM 2017

(Kèm theo thông báo số: 393 /TB-CDKTCN ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp)

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh		Chế độ ưu tiên	Vị trí đăng ký	Điểm kết quả học tập			Tổng kết quả học tập	Điểm ưu tiên	Tổng điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Điểm TBC lý thuyết (Hệ số 2)	Điểm TBC thực hành	Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ			Điểm TB các môn	Điểm tốt nghiệp	ĐT Tín chỉ (HS2)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (9) + (10) + (11) \times 2$	13	14	15	16	$17 = (12) + (13) + (14) \times 2 + (15) \times 2 + (16) \times 2$	18
1	MS01.01	Đoàn Văn	Đăng	15/7/1992			Giảng viên ngành Điện tử			75.68	151.36		75	0	0	301.36	Bỏ thi giảng LT, TH
2	MS01.02	Tổng Thị	Hạnh		12/9/1986	Thạc sỹ	Giảng viên ngành Điện tử	75.30	66.60		141.9	15	57	77.16	76.44	578.10	
3	MS01.03	Dương Văn	Hùng	24/6/1985		Thạc sỹ	Giảng viên ngành Điện tử	67.10	66.60		133.7	15	73	85.16	79.00	623.02	
4	MS02.01	Hà Đăng	Hùng	09/04/1991		Thạc sỹ	Giáo viên ngành Tin học	60.00	91.00		151	15	77	79.45	81.00	640.90	
5	MS02.02	Nguyễn Thành	Luân	20/08/1993			Giáo viên ngành Tin học	60.70	62.00		122.7		85	88.58	85.54	640.94	
6	MS02.03	Trần Thị	Quy		22/8/1993		Giảng viên ngành Tin học	73.50	85.00		158.5		71	74.50	0	449.50	Giảng thực hành không đạt
7	MS02.04	Nguyễn Hữu	Sao	01/01/1990			Giảng viên ngành Tin học			72.00	144		67	66.84	0	411.68	Giảng lý thuyết không đạt
8	MS02.05	Nguyễn Thị Minh	Thúy		20/06/1988	Thạc sỹ	Giảng viên ngành Tin học	77.40	72.50		149.9	15	58	72.70	70.50	567.30	
9	MS03.01	Nguyễn Mạnh	Hòa	28/8/1992			Giảng viên ngành Điện	71.33	92.00		163.33		65	84.64	80.20	623.01	
10	MS03.02	Trần Thanh	Mai		16/8/1991		Giảng viên ngành Điện			70.90	141.8		68	0	0	277.80	Bỏ thi giảng LT, TH
11	MS03.03	Nguyễn Khắc	Nghĩa	04/3/1994			Giảng viên ngành Điện			75.50	151		83	84.80	84.10	654.80	
12	MS03.04	Nguyễn Tuấn	Ninh	30/01/1989			Giảng viên ngành Điện			72.50	145		81	74.88	68.73	594.22	Giảng thực hành không đạt
13	MS05.01	Trần Thị	Cơ		18/4/1983		Giảng viên ngành Chăn nuôi thú y	68.90	77.50		146.4		76	83.27	85.32	635.57	
14	MS05.02	Nguyễn Thị	Hiện		25/8/1992		Giảng viên ngành Chăn nuôi thú y	59.51	85.00		144.51		69	80.93	80.67	605.71	
15	MS05.03	Hà Thị	Thơ		04/02/1992		Giảng viên ngành chăn nuôi thú y	59.30	90.00		149.3		63	75.70	80.18	587.06	
16	MS05.04	Trần Thị	Trúc		08/4/1988	Thạc sỹ	Giảng viên Chăn nuôi thú y	75.70	86.40		162.1	15	0	0	0	177.10	Bỏ thi

17	MS06.01	Phùng Thị Hoa		14/12/1989		Giảng viên ngành May	81.4	76		157.4		64	77.50	72.75	585.90	
18	MS06.02	Tạ Thị Thu Huyền		27/07/1987	3 năm làm việc	Giảng viên ngành May	70.7	73.3		144	5	72	85.08	83.52	630.19	
19	MS06.03	Dương Thị Phương		16/12/1982	12 năm làm việc	Giảng viên ngành May	74.7	80		154.7	5	73	82.96	85.38	642.39	
20	MS06.04	Bùi Thị Tình		08/08/1984	Con bệnh binh	Giảng viên ngành May	66.8	66.6		133.4	10	79	84.88	83.78	638.73	
21	MS07.01	Bùi Anh Hùng	31/3/1978			Kỹ sư -Ban quản lý dự án	71.9	70		141.9		75	85.88		463.65	
22	MS08.01	Ngô Thị Dung		20/8/1991		Văn thư- P.TCHC	68.9	65		133.9		75	84.73		453.35	
23	MS09.01	Nguyễn Quốc Bảo	16/3/1993			Kỹ sư - Trung tâm CNC			70.5	141		63		0	267.00	Thực hành tay nghề không đạt
24	MS09.02	Phạm Thế Dự	14/8/1991			Kỹ sư - Trung tâm CNC			69.6	139.2		0		0	139.20	Bỏ thi
25	MS09.03	Vũ Trí Trung Hiếu	22/9/1991			Kỹ sư - Trung tâm CNC			59.2	118.4		76		87.00	444.40	

Tổng số thí sinh: 25 thí sinh
Số thí sinh chính thức dự thi: 23 thí sinh
Số thí sinh vắng mặt: 02 thí sinh

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Thị Huyền Trang

Hiệu trưởng
Đặng Thanh Thủy

—